TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST.
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu T, TT. K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu B, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bà Phạm Thị Tú U, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu T, TT. K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(ông Đ và bà U đều vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu T, TT. K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Phạm Văn C.

(Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 01 năm 2023)

Ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là ông Phạm Văn C, đồng thời đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị L) trình bày:

Ngày 15/9/2021, tại thị trấn K, huyện B, Ông Phạm Văn C và vợ là bà Phạm Thị L có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Tú U vay 170.000.000 đồng, mục đích để ông Đ và bà U làm nghề giày da và có thỏa thuận về trả lãi theo lãi ngân hàng. Hạn trả hết nợ là ngày 15/9/2022. Hợp đồng vay được lập thành văn bản. Sau khi vay tiền, bên vay đã trả được một phần tiền lãi, nhưng sau đó không trả được thêm tiền lãi nữa. Đến hạn trả nợ, ông Đ và bà U không trả được tiền lãi và nợ gốc mặc dù ông C đã đòi. Do vậy ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà U phải trả tiền vay, ông chỉ đòi nợ gốc 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả thêm tiền lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Tú U thừa nhận: vợ chồng ông Đ và bà U có vay 170.000.000 đồng của ông C và bà L, vay để làm nghề giày da, việc vay là có trả lãi, hạn trả nợ là ngày 15/9/2022. Tuy nhiên, đến hạn do khó khăn nên chưa trả được nợ. Nay ông C và bà L yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi thì bị đơn hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án xem xét cho trả dần nợ gốc mỗi năm 15.000.000 đồng vì hoàn cảnh khó khăn, hiện tại ông Đ đang phải chấp hành án phạt tù 4 năm do Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt, còn bà U thì làm nghề khó khăn, thu nhập thập, hiện tại phải đi thuê nhà, có nhiều khoản nợ khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền cho vay của ông C, bà L, buộc ông Đ và bà U có nghĩa vụ trả cho ông C bà L số tiền nợ gốc 170.000.000đ, về tiền lãi đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng tất cả các đương sự.

[2] Ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Tú U thừa nhận việc có vay tiền của ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị L như nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15/9/2021, tại TT K, vợ chồng ông Đ và bà U có vay 170.000.000 đồng của ông C và bà L, việc vay là có lãi, mục đích vay là để ông Đ và bà U làm nghề giày da. Các bên giao kết hợp đồng tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng có hiệu lực.

Sau khi vay thì ông Đ và bà U chưa trả được tiền gốc, do vậy ông C khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà U trả nợ gốc là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về đòi nợ gốc. Do trách nhiệm trả nợ của vợ chồng là trách nhiệm liên đới theo quy định tại khoản 2 điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần buộc vợ chồng ông Đ và bà U phải liên đới trả số nợ gốc trên. Mặc dù bị đơn trình bày hoàn cảnh gia đình của bị đơn khó khăn là có cơ sở, phù hợp với tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được, tuy nhiên đề nghị trả dần nợ gốc của bị đơn không được ông C chấp nhận, nên phải căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét. Tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng hạn, do đó bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc đã vay cho ông C.

Đối với tiền lãi, ông C, bà L tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả lãi, nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đ và bà U phải trả nợ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Tú U phải liên đới trả cho ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị L số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của ông C và bà L không yêu cầu ông Đ và bà U trả lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị L cho đến khi thi hành án xong, ông Đ và bà U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Tú U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.500.000 đồng.

Hoàn trả ông Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002268 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN CƯỜNG